

MỘT SỐ ĐÓNG GÓP VỀ VĂN HÓA - GIÁO DỤC CỦA NGHIỆP ĐOÀN GIÁO HỌC TƯ THỰC VIỆT NAM (1953-1975)

ThS HOÀNG THỊ HỒNG NGA

Đại học Quốc gia Hà Nội

Nghiệp đoàn giáo học tư thực Việt Nam (gọi tắt là Nghiệp đoàn) là một tổ chức nghề nghiệp ra đời vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hoạt động xuyên suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam Việt Nam. Nhằm tập hợp lực lượng quần chúng, phát triển hoạt động theo chủ trương của Đảng "lấy trường học làm cơ sở", Nghiệp đoàn đã để lại nhiều đóng góp trên lĩnh vực văn hóa- giáo dục ở miền Nam Việt Nam (1953-1975).

1. Góp phần thử nghiệm nền giáo dục dân chủ, tiến bộ ở miền Nam Việt Nam (1953-1965)

Cải cách giáo dục: Giáo chức đã phối hợp với học sinh, sinh viên và phụ huynh đấu tranh đòi cải cách giáo dục, lấy tiếng Việt làm chuyên ngữ trong các chương trình tiểu học đến đại học, phong trào này đã được phát động từ thời kỳ cuối cuộc kháng chiến chống Pháp (1950-1954). Sau Hiệp định Giơnevơ, miền Bắc tiến lên xây dựng CNXH, một chương trình thống nhất xuyên suốt từ mẫu giáo đến đại học được áp dụng chung cho miền Bắc. Một chương trình mang đặc trưng Việt Nam vì tất cả đều được dạy và học bằng tiếng Việt. Với điều kiện đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau, chương trình này sơ khởi đã đạt được một số kết quả nhất định. Sự kiện này đã tác động đến tâm lý của giới trí thức, sinh viên ở miền Nam Việt Nam; nó cũng tác động đến tinh thần dân tộc của các giới đồng bào. Do đó, phong trào đấu tranh đòi dạy tiếng Việt ở bậc trung và đại học Sài Gòn đã bùng nổ mạnh mẽ,

đòi cải tổ chương trình giáo dục, cải tổ thi cử...

Nhiều nhà giáo tiến bộ đã cùng một số nhà văn, nhà báo như Thẩm Thệ Hà, Thuận Phong, Minh Hương, Bùi Đức Tịnh, Thanh Nguyên trực tiếp tham gia biên tập Tạp chí *Việt Nam giáo khoa*, sử dụng nó làm phương tiện đấu tranh, viết tài liệu giáo khoa theo chương trình Việt đề thay cho quyển "Văn phạm Việt Nam" của Trần Trọng Kim viết theo kiểu văn phạm tiếng Pháp và vận động giáo chức, phụ huynh, học sinh hưởng ứng. Trong các trường học có cơ sở cách mạng, Nghiệp đoàn tranh thủ vận động với chủ trường hoặc ban giám hiệu để cải cách nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập có tổ chức tập thể, đoàn kết và tiến bộ, hủy bỏ chương trình Pháp, dạy theo chương trình Việt.

Tổ chức giảng dạy mới: Nhằm đưa nội dung dân tộc, dân chủ, khoa học và tiến bộ vào các cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn học, tư tưởng, Nghiệp đoàn đã chủ trương xây dựng trường lớp ở thành phố theo mô hình mới như: Học

sinh toàn trường tự quản qua tổ chức Hiệu đoàn học sinh- một tổ chức tự quản của học sinh dưới sự giúp đỡ của giáo viên. Cụ thể hóa quyền làm chủ của học sinh trong nhà trường¹. Lớp tự quản có lớp trưởng, lớp phó, lớp học chia ra từng đội, có đội trưởng, đội phó. Mỗi lớp có một giáo viên cố vấn (biểu tượng của giáo viên chủ nhiệm). Hiệu đoàn học sinh trường sinh hoạt cắm trại, sinh hoạt Hè, giới thiệu sách, tổ chức những buổi lễ tất niên đầy màu sắc dân tộc, nội dung tiến bộ.

Tiêu biểu ở Trường Huỳnh Khương Ninh có một tổ chức đội lấy tên là Đội Thanh Phong (một hình thức biến tướng của Đội Cờ đỏ). Ngày 9-1 những năm 1955, 1956, 1957, nhiều trường đã tổ chức kỷ niệm ngày anh Trần Văn Ôn, học sinh yêu nước bị Pháp bắn chết trong một cuộc biểu tình. Trường tổ chức với các hình thức: đeo băng tay, mặc quần áo trắng, tổ chức mặc niệm cả trường, nói chuyện trao đổi đề qua đó giáo dục lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc trong học sinh, sinh viên.

Tại các trường có đồng thầy cô giáo đã từng tham gia kháng chiến trở về Thành hoạt động, thì trường và lớp có sinh hoạt thích hợp với tuổi trẻ như du ngoạn, thăm cảnh đẹp đất nước, các cơ sở tiêu thụ công nghiệp, các vùng kháng chiến cũ, thăm và cứu trợ nhiều nơi có xóm nhà cháy, các cô nhi viện... mục đích là gần gũi hiểu biết lý thuyết với thực tiễn, để xây dựng tình cảm giai cấp với những người cùng khổ, xây dựng tình cảm với kháng chiến và gia đình với xã hội, chống lại lối học từ chương thoát ly thực tế, thoát ly lao động. Nhiều trường còn tổ chức thi thể thao giữa các trường lớp, tạo không khí vui chơi sôi nổi, viết báo tường, in báo giảng...

Nền giáo dục miền Nam trong giai đoạn này còn ảnh hưởng giáo dục cũ của Pháp. Ngoài

chương trình phổ thông, trường mẫu giáo, chính quyền Việt Nam Cộng hòa chỉ có một số ít trường dạy tiếng nước ngoài cho con em các viên chức cao cấp có thể lực và nhà giàu ở nội thành. Số trường tư mẫu giáo quá ít, học sinh học theo lối từ chương, bị giam hãm trong 4 bức tường với kỷ luật roi đòn.

Trong những năm 1950, nhà giáo Thiên Giang (tên thật là Trần Kim Bàng), một cán bộ giáo dục, vừa là nhà văn chuyên nghiên cứu về giáo dục, đã chủ biên "Tủ sách Tân giáo dục" và đã xuất bản những cuốn như "Dạy con", "Tìm hiểu tâm lý trẻ em để dạy trẻ em", "Cho con em đi học". Các cuốn sách trên đề ra nội dung, phương pháp mới giáo dục con cái trong gia đình, nêu những phương pháp của những nhà giáo dục Fereinet², Décroly³, Montessori⁴... tập trung nhiều vào mẫu giáo và cấp 1. Cơ sở cách mạng và những nhà giáo tiến bộ đã tìm cách đưa quan điểm giáo dục mới nói trên vào thành phố, đấu tranh chống lại văn hóa đồi trụy.

"Hội bạn trẻ em Việt Nam" được thành lập năm 1958, do nhà giáo Nguyễn Thị Dậu làm Chủ tịch, luật sư Bùi Chánh Thời làm Tổng thư ký. Do địch kìm kẹp, Hội hoạt động không được rộng và mạnh lắm. Đến năm 1965, "Hội bạn trẻ em Việt Nam" được xem là hội nòng cốt trong việc cùng 17 Hội đoàn Sài Gòn thành lập "Hội đồng bảo vệ thanh thiếu niên" nhằm cải thiện giáo dục và bài trừ các án loát phẩm đầu độc thanh thiếu niên.

Ông bà nhà giáo Thiên Giang và Văn Trang đã phỏng theo mô hình nhà trẻ là lớp mẫu giáo dạy theo phương pháp Décroly và Montessori tổ chức thí điểm là Trường mẫu giáo Minh Tâm và thí điểm 4 khóa học tại Gia Định từ 1955 đến 1961. Hiệu trưởng là bà Trần Thị Hợp Phố (bút danh Hợp Phố - em ruột nhà giáo Thiên Giang). Những học sinh khó dạy,

học sinh cấp 1 ở lại lớp hoặc bị đuổi học cũng xin vào học. Nhà trường chống lối học nhồi sọ, xem thường nhân cách học sinh, chú trọng việc phát triển năng khiếu trẻ em một cách toàn diện, vừa dạy chữ vừa dạy đạo đức, tập trung mối quan hệ bình đẳng giữa học sinh và thầy cô giáo, cha mẹ và những người khác ngoài xã hội, giáo dục tinh thần tổ chức kỷ luật tự giác, lối sống tập thể, lòng yêu thương giữa người với người. Nhà trường đã trang trí lớp học ngoài trời gần với thiên nhiên, có nuôi thú, hoa kiểng, cây ăn trái. Trang trí lớp học được thường xuyên thay đổi với những hình vẽ đẹp, hồn nhiên.

Các cô giáo đã tận dụng phế liệu của các nhà in, nhà máy dệt, xưởng mộc, tiệm may, để làm dụng cụ giảng dạy, đồ chơi cho các em. Nhà trường dạy cho các em biết sử dụng ngũ quan: mùa hát, đóng kịch, vẽ, cưa, đục... các em còn được đi tham quan ngoại cảnh, khi về trường các em kể lại, làm văn mô tả... Ngoài ra, các em còn được giáo dục có thể tự phục vụ mình, đồng thời phục vụ được bè bạn tập thể của mình.

Trường Ty Giáo dục Gia Định và một số người trong chính quyền Sài Gòn đến xem nhưng nhà trường không tổ chức chào cờ, “suy tôn” Ngô Tổng thống (Ngô Đình Diệm) như tất cả các trường lúc bấy giờ. Sau đó, chúng chiếm dụng trường làm Ấu trĩ viện (nhà giữ trẻ). Tuy nhiên, vì thiếu người có đủ khả năng để đảm nhận nên chúng vẫn giao cho bà Hợp Phổ làm Hiệu trưởng. Vì vậy, tổ chức cách mạng vẫn nắm trường này, và lòng nội dung chương trình phương pháp giảng dạy tiến bộ vào. Mỗi dịp hè, nhiều trường mẫu giáo tư và Thiên chúa giáo cử giáo viên đến Ấu trĩ viện Gia Định để tham quan học tập rút kinh nghiệm.

2. Tổ chức các lớp tu nghiệp về nghiệp vụ giáo dục cho giáo viên (1965-1973)

Một trong những hoạt động thiết thực của Nghiệp đoàn và Hội Liên hiệp giáo chức Việt Nam đáp ứng nhu cầu bức xúc của các giáo chức nội đô, tạo điều kiện cho cách mạng tập hợp đông đảo giáo chức một cách công khai, hợp pháp, là việc tổ chức các lớp tu nghiệp liên tục từ năm 1965 đến năm 1973.

Vào những năm cuối thập kỷ 60, sau khi Mỹ đổ quân trực tiếp vào miền Nam, chúng cần phá nông thôn, thành lập những vùng gom dân lập ấp để kiểm soát chặt chẽ. Bom đạn Mỹ cày phá nát cả vùng quê. Người dân các nơi này phải bỏ nhà cửa, đất vườn chạy ngược ra thành phố để đi làm mướn, làm thuê kiếm sống mang theo một lượng không nhỏ trẻ em.

Vấn đề xã hội mới nảy sinh là làm sao giải quyết việc học hành cho bộ phận trẻ em này. Các em thường không có giấy tờ hợp lệ. Số trường công không đủ chứa nên một số trường tư thực được mở thêm, rải rác trong các xóm lao động. Số giáo viên tăng lên, trong đó có một số mới vào nghề cần phải được bồi dưỡng kỹ năng đứng lớp. Nhà cầm quyền Sài Gòn không làm được và cũng không muốn làm việc này nhưng chúng cũng không muốn cho Nghiệp đoàn làm. Trái lại, Nghiệp đoàn quyết định mở lớp tu nghiệp sư phạm cho giáo viên tiểu học đang có nhu cầu đó.

Điều đầu tiên là cần phải có giấy phép. Nếu đơn phương Nghiệp đoàn đứng ra xin mở lớp thì chính quyền không cấp. Một số anh chị em trong Nghiệp đoàn đi vận động Hội Ái hữu cựu sinh viên Cao đẳng sư phạm (do ông Bùi Trọng Chương và Nguyễn Quý Bông- Giám đốc Nha sư phạm) và Hội Ái hữu bậc tiểu học Sài Gòn (do ông Trương Văn Đức- Giám đốc Nha tiểu học và Bình dân giáo dục của chính quyền Sài

Gòn) nhận hỗ trợ để mở các lớp tu nghiệp sư phạm này. Với chức vụ, nghiệp vụ chuyên môn của đại diện hai hội đoàn này và sự ủng hộ của ông Nguyễn Công Ân- Giám đốc Sở tiểu học Sài Gòn, việc mở lớp tu nghiệp sư phạm được chấp thuận⁵.

Lớp tu nghiệp được tiến hành và tổ chức nghiêm túc. Cuối khóa, Ban tổ chức lớp vận động có được chữ ký của Giám đốc Nha tư thực trong giấy chứng nhận.

Tổng cộng có 5 khóa tu nghiệp đã được tổ chức với trên 2.000 giáo viên công tư tham dự mà đại bộ phận là giáo viên tư thực. Khóa năm 1967 đã gây nhiều ấn tượng sâu sắc, khóa khai giảng với số giáo viên tham dự là 1.200 người. Bình quân sĩ số các lớp tu nghiệp có khoảng trên 200 học viên. Các năm kế tiếp 1970 giảm sút đáng kể do sự chống phá của địch. Có khóa khai giảng với 86 học viên, Ban tổ chức vẫn cố gắng tiến hành cho lớp sinh hoạt lý thú, hiệu quả và trôi chảy. Các khóa kế tiếp tiến hành bình thường trở lại, sĩ số tăng lên gấp đôi. Năm 1973, Hiệp định Pari được ký kết, bộ phận nhà giáo nội đô, qua Nghiệp đoàn và Hội Liên hiệp giáo chức, tổ chức khóa tu nghiệp dành cho giáo viên mẫu giáo, chuẩn bị cho hướng phát triển mới. Nhờ đáp ứng đúng nguyện vọng của giáo viên, cộng với niềm phấn khởi hân hoan về triển vọng hòa bình, mà sĩ số lớp học tăng thêm gần 100 người, từ 160 lên 246 học viên.

Thành phần của lớp rất đa dạng. Ngoài số giáo viên mẫu giáo, vỡ lòng trước đây của Nghiệp đoàn, còn có những giáo viên là nữ tu, tu sĩ của các trường học Thiên chúa, Phật giáo. Các trường này trước đây Nghiệp đoàn khó tiếp cận. Sau lớp học, một số xin gia nhập Nghiệp đoàn làm tăng lên số hội viên.

Từ chỗ không được phép mở lớp đến được phép mở lớp, đến lớp được công nhận là cả một

quá trình vận động gay go, phức tạp, tốn nhiều công sức, là một thành công của Nghiệp đoàn cũng như của bộ phận nhà giáo nội đô. Nghiệp đoàn có điều kiện phát triển thêm lực lượng. Đoàn viên Nghiệp đoàn có dự khóa tu nghiệp kể như hợp thức hóa nghề nghiệp đảm bảo được chỗ dạy hoặc đi xin chỗ dạy dễ dàng hơn.

3. Tăng cường tuyên truyền giáo dục và cách mạng

Nhằm phát huy tác dụng của văn nghệ trong tuyên truyền giáo dục, Nghiệp đoàn đã phối hợp với một số văn nghệ sĩ tiến bộ tổ chức nhiều hình thức biểu diễn văn nghệ với nội dung chống ác ôn, phong kiến chuyên quyền, chống văn hóa đồi trụy, văn hóa hướng ngoại, nêu cao sức mạnh đoàn kết, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Đáng ghi nhớ là hai vở kịch “Văn sĩ nguyệt hoa” và “Sở bá vương tự sát” với các diễn viên đều là giáo viên và học sinh đã biểu diễn tại rạp Nguyễn Văn Bào (nay là rạp Công nhân), vào năm 1955 và những vở “Đường lên Tây Trúc”, “Trên nền nhà cháy” đã diễn tại rạp Việt Long và Trường Nam Việt tại Thủ Đức, Thủ Dầu Một, Đà Lạt... đã thu hút đông đảo người xem và được hoan nghênh cổ vũ nhiệt liệt, gây ảnh hưởng lớn. Chính quyền Ngô Đình Diệm hốt hoảng ra lệnh cấm không cho diễn các vở đó.

Những tiết mục ca, vũ khúc cũng được đưa lên sân khấu với những diễn viên chủ yếu là học sinh. Các vũ khúc là các điệu vũ ở chiến khu mang về hay trong nhà tù mang ra như các vũ khúc nông tác vũ, mùa lúa, mùa nón lá, mùa trồng, ươm tơ tằm, vũ cây trồng... Khi đó ở thành phố chỉ có khiêu vũ (nhảy đầm), thiết hài chứ không có loại vũ như vậy, nên vũ là một loại hình nghệ thuật rõ ràng của kháng chiến, của quần chúng.

Những tiết mục ca vũ được dàn dựng, đặc biệt hai vở kịch dài “Thò chống hùm”, “Thăng Cuội với cây đa” đã được trình diễn trong một thời gian dài, trong nhiều trường học như Trường Huỳnh Khương Ninh, Trường “Nữ hội sinh Từ Dũ”, Trường Quốc gia sư phạm, các lớp do Hội truyền bá Quốc ngữ tổ chức. Nhiều trường công lập ở các tỉnh cũng hưởng ứng như An Giang, Thủ Dầu Một... Các màn ca vũ nhạc kịch nói trên do các đồng chí Hoài An (Trương Bình Tông, nguyên là Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin thành phố Hồ Chí Minh), Lại Minh Lương, Bùi Đức Tịnh, Minh Hương (tức đồng chí Lê Võ Đài) vừa sáng tác, vừa đạo diễn, giới thiệu nền văn nghệ dân tộc, chiến đấu, tiến bộ của ta, đã tạo được phong trào văn nghệ lành mạnh, phát triển rộng rãi trong học sinh và tác động khá mạnh mẽ trong giới phụ huynh và đồng bào thành phố. Chính quyền Sài Gòn đã ra lệnh cấm trình diễn vở “Thò chống hùm” năm 1965.

Trong thời điểm bấy giờ, một đội văn nghệ có tác dụng tốt nhiều mặt, làm mạnh lên các hội, đoàn công khai do Đảng lãnh đạo, thu hút đồng bào đô thị về với các tổ chức này, giới thiệu những tác phẩm có nội dung và hình thức tiến bộ, phục vụ nhiệm vụ chính trị bằng các hình thức cụ thể hưởng ứng các phong trào như phong trào cứu tế (1955), chủ trương dùng đồ nội hóa (1956)...

Nghiệp đoàn giáo học tư thực Việt Nam là một tổ chức nghề nghiệp đã quy tụ được hầu hết các giáo chức phổ thông có tinh thần yêu nước, cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Giáo chức miền Nam vốn trưởng thành trong truyền thống dân tộc và có tinh thần yêu nước, có tâm huyết, nhiệt tình chọn con đường dạy học, coi nghề dạy học là nghề trong sạch nhất trong xã hội, đã có đóng góp đáng kể trong

những năm 1945-1954, trên lĩnh vực văn hóa giáo dục. Bằng những hoạt động sôi nổi trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục, theo đường lối của Đảng, giáo chức miền Nam hòa mình vào trong cuộc đấu tranh chung của dân tộc, thực sự phát huy được vai trò của một tổ chức nghề nghiệp có những đóng góp đáng kể trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục trong thời kỳ cách mạng 1954-1975.

1. Nguyễn Văn Hợi: “Có một ngôi trường”, in trong *30 năm đấu tranh của giáo giới Sài Gòn, Gia Định 1945-1975* (nhiều tác giả), Câu lạc bộ nhà giáo hưu trí Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr. 17

2. Phương pháp tự nhiên của nhà giáo dục Pháp Célestin Freinet quan niệm trẻ học bằng kinh nghiệm, do vậy trẻ có thể mắc phải lỗi, tránh mắng trẻ mà phải hướng dẫn để trẻ rút ra kiến thức mới, những hiểu biết tốt hơn về thế giới

3. Phương pháp Décroly, với chủ trương nhà trường là do cuộc sống và vì cuộc sống, dùng việc đời để giáo dục học sinh ra đời. Theo Décroly giáo dục bắt nguồn từ cuộc sống, từ các yêu cầu của cuộc sống, dùng các dữ liệu xuất phát từ cuộc sống để trang bị cho các em

4. Phương pháp giáo dục Montessori là một phương pháp sư phạm giáo dục trẻ em dựa trên nghiên cứu và kinh nghiệm của bác sĩ và nhà giáo dục Ý Maria Montessori (1870-1952). Đây là phương pháp với tiến trình giáo dục đặc biệt dựa vào việc học qua cảm giác

5. Xem: *30 năm đấu tranh của giáo giới Sài Gòn, Gia Định 1945-1975*, Câu lạc bộ nhà giáo hưu trí Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr.273.